

Bản án số: 607/2024/HS-PT
Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự
Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường
 ông Trần Đức Kiên.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HSC TN-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T - sinh ngày 17/11/1992 tại Bình Định; nơi thường trú: 37 H, tổ E, KV. 10, P. H, TP ., tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 2 T, tổ F, KP. 01, P. Q, TP ., tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1965 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1972; vợ: **Tạ Thị Q1**, sinh năm 1997, có 02 con: lớn sinh năm 2022; nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 16/11/2010, bị **UBND phường Q** áp dụng biện pháp quản lý giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng, đã chấp hành xong ngày 21/02/2011.

- Ngày 13/02/2012, bị TAND TP. Quy Nhơn xử phạt 07 năm tù, về tội: “Cướp tài sản” và 03 năm tù, về tội: “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt

chung của 02 tội là 10 năm tù. Thi hành án tại **Trại giam K**, đến ngày 25/4/2018 chấp hành xong án phạt tù. Đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024 đến ngày 12/8/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn: bảo lãnh; vắng mặt tại phiên toà.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 sau khi chấp hành án xong, **Nguyễn Văn T** và một người bạn **T** quen khi cả hai chấp hành án phạt tù tại **Trại giam K** (không nhớ họ tên và địa chỉ), đi chơi ở Gia Lai thì người bạn dẫn vào nhà một người đồng bào dân tộc (không nhớ địa chỉ), **T** thấy có treo trên cột nhà 02 khẩu súng (01 khẩu nòng ngắn và 01 khẩu nòng dài) nên đã hỏi người đàn ông này mua 02 khẩu súng và 10 viên đạn với giá 5.000.000 đồng rồi đem về cất giấu nhiều nơi ở **TP ., tỉnh Bình Định**.

Đầu tháng 10/2023, do mâu thuẫn với **Huỳnh Hữu L** (SN: 16/7/1997; trú tại: **K. T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**) nên **Nguyễn T1** liên hệ **Nguyễn Văn T** mượn súng để giải quyết. Tối ngày 01/10/2023, **Nguyễn T1** cùng **Bùi Hồng V** đi xe taxi từ **T đến đường H, TP .** gặp **Nguyễn Văn T** mượn 02 khẩu súng (01 khẩu súng nòng ngắn và 01 khẩu súng nòng dài bắn đạn hoa cải) và khoảng 10 viên đạn nêu trên mang về quán nhậu “**Hoa Sơn Q2**” ở **thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** do **Nguyễn T1** làm chủ để cất giấu.

Đến trưa ngày 02/10/2023, **Nguyễn T1** gọi qua ứng dụng messenger cho **Hồ Quang V1** yêu cầu tìm **Huỳnh Hữu L** để đánh (**Nguyễn T1** không chỉ đạo dùng súng để bắn). Lúc đó, **Bùi Hồng V** ở cùng **Hồ Quang V1** nên biết việc này. Sau đó, **Bùi Hồng V** lấy 01 khẩu súng nòng ngắn và đạn bỏ vào một túi da rủ **Hồ Quang V1** đi tìm bắn **L**.

Khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, **Hồ Quang V1** điều khiển xe mô tô chở **Bùi Hồng V** ngồi sau cầm theo súng đi đến nhà trọ của **Huỳnh Hữu L** (**xóm N, KP. T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**) tìm **L** nhưng không có **L** ở nhà trọ. Lúc này, **Bùi Hồng V** lấy khẩu súng từ trong túi xách ra bắn một phát (phát súng thứ nhất) vào cửa nhà trọ của **L** rồi bỏ đi. Khi **Hồ Quang V1** chở **Bùi Hồng V** quay ngược ra cách nhà trọ của **L** khoảng 50 mét thì thấy **L** điều khiển xe mô tô, đang chạy hướng ngược lại để về phòng trọ của **L**. Khi đến cách vị trí **L** khoảng 10 mét thì **Bùi Hồng V** tháo vỏ đạn đã bắn trong súng vứt bỏ và lắp viên đạn mới vào súng sau đó hướng súng về phía **L** nghiêng hướng nòng súng lên cao bắn một

phát (phát súng thứ hai); thấy **Bùi Hồng V** nổ súng nên **Huỳnh Hữu L** vứt bỏ xe chạy bộ về hướng ngược lại, **Hồ Quang V1** chở **Bùi Hồng V** đuổi theo **L**. Sau khi bắn phát súng thứ hai, **Bùi Hồng V** tiếp tục tháo vỏ đạn cầm trên tay rồi lắp viên đạn mới vào súng, hướng nòng súng về phía **L** đang chạy bắn tiếp (phát súng thứ ba) nhưng đạn không nổ. **Huỳnh Hữu L** chạy vào một nhà dân bên đường trốn, **Hồ Quang V1** chở **Bùi Hồng V** cầm súng tiếp tục nhắm về hướng **L** để bắn nhưng không thấy **L** nên cả hai điều khiển xe để tẩu thoát. Trên đường đi, **Bùi Hồng V** ném lại vỏ đạn thứ hai trên đường rồi nói **Hồ Quang V1** đổi người lái xe chở về lại quán nhậu “**Hoa Sơn Q2**”.

Sau khi về quán nhậu, **Bùi Hồng V** mang túi da đựng súng cất vào phòng để đồ của nhân viên tại quán. Lúc này **Hồ Quang D** đang có mặt tại quán và nghe **Bùi Hồng V** và **Hồ Quang V1** kể lại sự việc sử dụng súng bắn **Huỳnh Hữu L** nêu trên, **Bùi Hồng V** và **Hồ Quang V1** không nói lại sự việc nêu trên cho **Nguyễn T1** biết. Sau đó, **Bùi Hồng V** và **Hồ Quang V1** ra văng của quán để nằm ngủ. Khoảng một giờ sau, qua thông tin **T1** nghe được **Bùi Hồng V** và **Hồ Quang V1** trước đó sử dụng súng bắn **L** nên **Nguyễn T1** gọi qua messenger cho **Hồ Quang D** nhờ **D** mang súng đến cất giấu trong phòng tắm của nhà ngoại **T1** (thôn Q, xã P, huyện T). Dự vào phòng để đồ của nhân viên tại quán và nhìn thấy một túi da màu đen và một túi xách dài loại đựng cần câu cá, **D** mở hai túi này ra xem thì thấy bên trong túi da màu đen có 01 khẩu súng nòng ngắn và đạn, bên trong túi xách dài có một khẩu súng nòng dài. Sau đó, **D** mang hai túi đựng súng này đến nhà ngoại của **Nguyễn T1** cất giấu trong phòng tắm theo yêu cầu của **Nguyễn T1** và nói lại cho **Nguyễn T1** biết.

Nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện T xác minh vụ việc, khám nghiệm hiện trường thu giữ 02 vỏ đạn và 30 mảnh kim loại màu đen (mảnh đạn).

Ngày 19/10/2023, lo sợ bị phát hiện **Nguyễn T1** gọi điện thoại nhờ **Lê Hoài N** đến nhà ngoại của **T1** lấy túi đựng súng đi cất giấu nơi khác. **Lê Hoài N** đến nhà ngoại của **T1** lấy túi da màu đen bên trong cất khẩu súng nòng ngắn và đạn mang lên núi Q (thôn Q, xã P, huyện T) cất giấu mà không mở ra kiểm tra khẩu súng bên trong, còn một khẩu súng nòng dài vì **N** không biết nên vẫn còn tại phòng tắm.

Vài ngày sau, **Nguyễn T1** gọi cho **N** để lấy lại súng thì **N** chỉ vị trí nơi đã cất giấu túi da màu đen đựng súng trên núi Q để **T1** tự đi lấy. Sau khi đến núi Q kiểm tra thì phát hiện chỉ có một túi da đựng súng ngắn nên **T1** gọi điện thoại hỏi **N**, **Nam** trả lời thấy có một túi da màu đen đựng súng nên lấy đi cất giấu mà không kiểm tra bên trong nên không biết và mang khẩu súng dài đi cất. Sau khi lấy túi da màu đen đựng súng, **T1** mang lại về nhà ngoại cất giấu cùng với khẩu súng nòng dài trong phòng tắm, đến khi **Nguyễn Văn T** gọi điện qua **M** cho

Nguyễn Tây Đ lại súng, Nguyễn T1 lấy khẩu súng nòng dài không sử dụng mang đến trả cho Nguyễn Văn T còn khẩu súng nòng ngắn và đạn Tây giữ lại để sử dụng phòng thân. Do lo sợ bị phát hiện, Nguyễn Văn T mang khẩu súng nòng dài do T1 trả lại đến cầu Thị Nại, TP . vứt bỏ xuống đầm, không xác định vị trí cụ thể nên không thu giữ được khẩu súng.

Đến khoảng đầu tháng 12/2023, Nguyễn T1 nhờ Tổng Minh Q3 mang túi da màu đen bên trong có khẩu súng nòng ngắn và đạn về nhà của Q3 để cất giấu mà không nói bên trong túi da màu đen đựng gì. Khi Q3 mang túi xách này về đến nhà để cất giấu và mở ra kiểm tra bên trong túi xách thì thấy có 01 (một) khẩu súng nòng ngắn, 08 (tám) viên đạn bằng kim loại màu vàng đồng và 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại. Tổng Minh Q3 cất giấu súng tại phòng ngủ của Q3. Ngày 13/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tổng Minh Q3 thu giữ 01 khẩu súng, 08 viên đạn và 01 vỏ đạn nêu trên.

* Kết luận giám định:

1. Kết luận giám định số 2303/KL-KTHS ngày 04/12/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP ., kết luận:

- 02 (hai) vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn của loại đạn tự chế kiểu đạn ghém, loại đạn này thuộc súng săn, sử dụng cho các loại súng như S, R... và súng tự chế. Mức độ sát thương của loại đạn tự chế kiểu đạn ghém phụ thuộc vào lượng thuốc phóng, hạt đạn, khẩu súng cụ thể bắn ra..., do đó không đủ cơ sở xác định mức độ sát thương của loại đạn này đối với con người như thế nào.

- 02 (hai) vỏ đạn gửi giám định do cùng 01 khẩu súng bắn ra.

- 30 (ba mươi) mảnh kim loại màu đen đã vỡ vụn, không đủ cơ sở xác định có phải là đầu đạn hay không.

- 30 (ba mươi) mảnh kim loại màu đen dùng làm mảnh đạn (hạt đạn) được cho các loại đạn ghém tự chế như 02 vỏ đạn gửi giám định.

2. Kết luận giám định số 2631/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP ., kết luận:

- Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế tạo, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất; hiện tại khẩu súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 08 (tám) viên đạn gửi giám định là đạn tự chế kiểu đạn ghém; hiện tại còn sử dụng được và thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn. Loại đạn này dùng được cho các khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 410 như: Stevens, R, W... và súng tự chế tạo.

- Vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn loại đạn ghém cỡ 12 và không phải do khẩu súng gửi giám định bắn ra. Đạn ghém cỡ 12 thuộc vũ khí có tính năng, tác

dụng tương tự súng săn và sử dụng được cho các loại súng bắn đạn ghém cỡ 12 như: Stevens, R, W... và súng tự chế tạo.

- 02 (hai) vỏ đạn gửi giám định do khẩu súng gửi giám định bắn ra.
- Các viên đạn gửi giám định sử dụng được cho khẩu súng gửi giám định và khi bắn ở khoảng cách 10 mét mà đầu đạn (hạt đạn) trúng vào cơ thể người thì có gây sát thương (bị thương tích).

3. Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1257/KLGD ngày 24/7/2024 của **Trung tâm P**, kết luận đối với **Tổng Minh Q3** như sau:

* Trước thời điểm gây án:

- a. Kết luận về y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70).
- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

* Tại thời điểm gây án:

- a. Kết luận về y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70).
- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

* Thời điểm hiện tại:

- a. Kết luận về y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70).
- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. (Bút lục số: 522-526).

Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 khẩu súng là vũ khí quân dụng thu tại nhà **Tổng Minh Q3**.
- 08 viên đạn (thu giữ tại nhà **Tổng Minh Q3**) đã bắn giám định hết.
- 02 vỏ đạn và 30 (ba mươi) mảnh kim loại màu đen (mảnh đạn) thu được tại hiện trường.

- 01 túi da màu đen kích thước (23x28)cm, túi có dây đeo chéo bằng sợi vải màu đen. Trên túi in chìm dòng chữ “HERMES PARIS” và “POLO”.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKS-P1 ngày 28/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố:

- Nguyễn Tây, Hồ Quang Dự, Lê Hoài Nam, **Tổng Minh Q3**, **Nguyễn Văn T**, về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

- **Bùi Hồng V**, về tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

- **Hồ Quang V1**, về tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HSCTN-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tây .

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hồng V.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Quang V1.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Quang D.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s, điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tống Minh Q3.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hoài N.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn T1, Hồ Quang D, Lê Hoài N, Tống Minh Q3, Nguyễn Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Bùi Hồng V phạm tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Hồ Quang V1 phạm tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Tây 2 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2024.

2.2 Xử phạt bị Bùi Hồng V 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/3/2024.

2.3 Xử phạt bị Hồ Quang V1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/3/2024.

2.4 Xử phạt bị cáo Hồ Quang D 9 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Hoài N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.6 Xử phạt bị cáo Tống Minh Q3 9 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.7 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024 đến ngày 12/8/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo:

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, bị cáo **Nguyễn Văn T** nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo **Nguyễn Văn T** vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Mặc dù bị cáo **Nguyễn Văn T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng bị cáo có lời khai trong quá trình điều tra tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo là phù hợp với Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là phù hợp tính chất, hậu quả hành vi phạm tội; bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ lời khai của bị cáo **Nguyễn Văn T** trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2018, **Nguyễn Văn T** mua 02 khẩu súng (01 khẩu nòng ngắn và 01 khẩu nòng dài) và 10 viên đạn của người đồng bào dân tộc tại tỉnh Gia Lai với giá 5.000.000 đồng rồi đem về cất giấu nhiều nơi ở **thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

Tối ngày 01/10/2023, **Nguyễn T1** cùng **Bùi Hồng V** đến **thành phố Q** gặp **Nguyễn Văn T** mượn 02 khẩu súng (01 khẩu súng nòng ngắn, 01 khẩu súng nòng dài bắn đạn hoa cải) và khoảng 10 viên đạn mìn về quán nhậu “**Hoa Sơn Q2**” do **Nguyễn T1** làm chủ cất giấu.

Đến trưa ngày 02/10/2023, **Bùi Hồng V** lấy 01 khẩu súng nòng ngắn và đạn rử **Hồ Quang V1** đi tìm bắn **Huỳnh Hữu L**. Khi đến nhà trọ nhưng không có **L**, **Bùi Hồng V** lấy khẩu súng bắn một phát vào cửa nhà trọ của **L** rồi bỏ đi. Khi **Hồ Quang V1** chở **Bùi Hồng V** quay ngược ra thì thấy **L**, **Bùi Hồng V** hướng súng về phía **L** nghiêng hướng nòng súng lên cao bắn một phát (phát súng thứ hai); khi **L** bỏ chạy **Hồ Quang V1** và **Bùi Hồng V** đuổi theo và tiếp tục bắn **L** (phát súng thứ ba) nhưng đạn không nổ. Sau khi **L** trốn thoát, **Bùi Hồng V** và **Hồ Quang V1** về lại quán “**Hoa Sơn Q2**”, **Bùi Hồng V** mang súng cất giấu.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn T1**, **Hồ Quang D**, **Lê Hoài N**, **Tổng Minh Q3**, **Nguyễn Văn T** về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Bùi Hồng V** về tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo

Hồ Quang VI về tội: “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu; không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T được Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ xã N, thành phố Q tặng Giấy khen, có hai con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HSC TN-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024 đến ngày 12/8/2024.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

Đã ký

Lê Tự